TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA KAR** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HÔI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HNGĐ
Ngày 25/7/2018
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Vũ Mạnh Thu.
2. Ông Bùi Gia Ruẫn.

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Quế – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2018, tại Hội trường xét xử trụ sở Toà án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 131/2018/TLST-HNGĐ ngày 07/5/2018, về việc: "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐXX-ST ngày 29/6/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18/7/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Diễm P, Sinh năm 1983; HKTT: tổ dân phố 2A, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở: 70/9K đường Nguyễn Văn H, phường T, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Bị đơn: Ông Phạm Văn B, Sinh năm 1977; nơi cư trú: Tổ dân phố 2A, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị Diễm P trình bày có nội dung như sau:

Bà Chị Bùi Thị Diễm P và anh Phạm Vĩnh B là vợ chồng lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn E, huyện K vào ngày 29 tháng 4 năm 2003. Quá trình sống chung 02 con chung là Phạm Thị Lệ H, Sinh ngày 19/9/2003 và Phạm Vĩnh K, Sinh ngày 14/01/2015 hiện đang sinh sống cùng bà P.

Trong cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông B không chung thủy, có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ nữa khác từ năm 2006, mặc dù bà P có khuyên can nhiều lần nhưng ông B không sữa đổi. Ông B thường xuyên chơi bời không chăm lo đến vợ con nên bà P và ông B đã ly thân nhau từ năm 2016 đến nay không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa.

Sau một thời gian dài mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được nay bà P xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn ông Phạm Vĩnh B.

Về con chung: Bà P có nguyện vọng xin nuôi dưỡng 02 con chung là Phạm Thị Lệ H, Sinh ngày 19/9/2003 và Phạm Vĩnh K, Sinh ngày 14/01/2015 đến tuổi thành niên và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Vĩnh B trình bày có nội dung như sau:

Ông B và bà P là vợ chồng lấy nhau tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn E, huyện K, ngày 29 tháng 4 năm 2003. Quá trình sống chung 02 con chung là Phạm Thị Lệ H, Sinh ngày 19/9/2003 và Phạm Vĩnh K, Sinh ngày 14/01/2015 hiện đang sinh sống cùng bà P. Trong cuốc sống vợ chồng vẫn hạnh phúc, tuy nhiên có nhiều mâu thuẫn là xuất phát từ vấn đề kinh tế, việc ông Bình ngoại tình có người phụ nữa khác là trước năm 2017, sau đó hai vợ chồng đã giải quyết mâu thuẫn về sống với nhau và vẫn hạnh P cho đến nay, do vấn đề công việc nên từ đầu năm 2018 đến nay thì bà P sống và làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh, còn ông B sinh sống và làm việc tại huyện K nhưng vợ chồng thường xuyên liên lạc với nhau. Nay ông B xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên ông không đồng ý lý hôn với bà P.

Nếu bà P không đồng ý đoàn tụ mà cương quyết ly hôn và Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông B đồng ý giao 02 con chung là Phạm Thị Lệ H, Sinh ngày 19/9/2003 và Phạm Vĩnh K, Sinh ngày 14/01/2015 cho bà P nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Trong qúa trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt gây cản trở cho việc xét xử của Tòa án.

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà P và ông B đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn nên chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà P.

Về quan hệ hôn nhân: Bà P được ly hôn ông B.

Về con chung: Giao 02 con chung là Phạm Thị Lệ H, Sinh ngày 19/9/2003 và Phạm Vĩnh K, Sinh ngày 14/01/2015 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà P và ông B không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Ông Phạm Vĩnh B được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phạm Vĩnh B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Diễm P và ông Phạm Vĩnh B lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn E, huyện K vào ngày 29/4/2003 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình duy trì quan hệ hôn nhân, vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu đến năm 2016 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vấn đề kinh tế, ông B không chung thủy, vợ chồng thiếu sự quan tâm, chăm sóc và bất đồng trong quan điểm, lối sống và ngày càng trở nên trầm trọng; gay gắt, cuộc sống không hạnh phúc và bà P và ông B đã ly thân từ năm 2016 đến nay không còn chung sống với nhau nữa. Nay bà P xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà P được ly hôn ông Phạm Vĩnh B. Mặt khác, tại biên bản xác minh của Tòa án chính quyền địa phương cho biết bà P và ông B sau khi lấy nhau về chúng sống tại tổ dân phố 2A, thị trấn K, huyện K cho đến năm 2017 thì ly thân hiện ông B vẫn sống tại địa chỉ trên còn bà P sinh sống làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Phạm Vĩnh B có nguyện vọng xin đoàn tụ, tuy nhiên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng phát sinh đã lâu, kéo dài và ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 đến nay không có hướng khắc phục mâu thuẫn để cùng tiếp tục chung sống; quá trình giải quyết vụ án ông B muốn đoàn tụ nhưng không có hướng khắc phục mâu thuẫn. Xét mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa bà P và ông B đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Xét nguyện vọng của của các đương sự, cũng như quyền lợi của các con chung, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao 02 con chung là Phạm Thị Lệ

H, Sinh ngày 19/9/2003 và Phạm Vĩnh K, Sinh ngày 14/01/2015 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà P không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Ông Phạm Vĩnh B được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Bùi Thị Diễm P và ông Phạm Vĩnh B tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Bùi Thị Diễm P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266 và Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Diễm P xin ly hôn ông Phạm Vĩnh B.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Diễm P được ly hôn ông Phạm Vĩnh B.

Về con chung: Giao 02 con chung là Phạm Thị Lệ H, Sinh ngày 19/9/2003 và Phạm Vĩnh K, Sinh ngày 14/01/2015 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Bùi Thị Diễm P không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Ông Phạm Vĩnh B được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Bùi Thị Diễm P và ông Phạm Vĩnh B tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về án phí: Bà Bùi Thị Diễm P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 0003414 ngày 02 tháng 5 năm 2018.

Nguyên đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thị hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi ành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Kar;
- CCTHADS huyện Ea Kar;
- UBND TT Ea Kar;
- Các đương sự;
- Lưu: HS +VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Lê Đình Thanh